

Bản án số: 97/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 18/4/2023

*“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định

Ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 34/2023/HNGĐ-TLST ngày 15/02/2023, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2023/QĐ-ST ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị L**, sinh ngày 16/8/1990.

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã Hồng P, huyện S, tỉnh Hải Dương.

Đang lao động tại: Nhật Bản.

Người được chị L ủy quyền giao nhận văn bản: Bà Mạc Thị V, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn C, xã Đồng L, huyện S, tỉnh Hải Dương

2. Bị đơn : Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh ngày 27/07/1990.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã Hồng P, huyện S, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Hữu A**, sinh năm 1958 và bà **Trần Thị H**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Thôn L, xã Hồng P, huyện S, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị *Phạm Thị L* trình bày: Chị và anh T tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng P, huyện S, tỉnh Hải Dương ngày 14/02/2011. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 2 năm, đến năm thứ 3 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Năm 2015 chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh T có đến nhà tìm chị để vợ chồng hòa giải, nhưng hai bên không giải quyết được mâu thuẫn. Đầu năm 2017 chị đi Nhật Bản lao động, sau đó anh T cũng sang Nhật Bản lao động nhưng vợ chồng không ở cùng nhau, không gặp nhau, cả hai không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Phương V, sinh ngày 17/7/2012. Thời gian chị đi nước ngoài, cháu V ở cùng ông bà nội. Nay do chị vẫn tiếp tục sang Nhật Bản lao động nên chị đồng ý giao cháu Phương V cho anh T nuôi dưỡng. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam chị đồng ý để cháu V ở cùng với ông bà nội là ông Nguyễn Hữu A và bà Trần Thị H.

Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L tự nguyện chịu cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Hữu T hiện nay đang lao động tại Nhật Bản, do chị L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T nên Tòa án đã xác minh địa chỉ của anh T tại gia đình. Ông Nguyễn Hữu A và bà Trần Thị H là bố mẹ đẻ anh T cung cấp, anh T đi Nhật Bản lao động khoảng năm 2019, từ khi đi đến nay anh chưa về Việt Nam. Tuy nhiên anh T thường xuyên gọi điện liên lạc với gia đình. Ông bà cho biết vợ chồng anh T, chị L sống không hạnh phúc. Chị L thường xuyên bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ năm 2015 chị L đã về nhà mẹ đẻ ở hẳn, sau đó đi nước ngoài. Mặc dù hai vợ chồng cùng lao động tại Nhật Bản nhưng hai bên không ở cùng nhau. Ông A, bà H đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Thông qua gia đình cũng như

tại buổi làm việc với Tòa án, anh T đã trực tiếp gọi điện thoại về và thể hiện quan điểm: Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị L; Về con chung, anh xác định vợ chồng có một con chung là Nguyễn Phương V, hiện đang ở cùng ông bà nội. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con, trong thời gian không ở Việt Nam anh ủy quyền cho bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Hữu A và bà Trần Thị H chăm sóc cháu V. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận. Về tài sản chung, nợ chung không có, ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Hữu A và bà Trần Thị H có quan điểm: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh T, còn chị L là con dâu. Hiện tại vợ chồng ông bà đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương V là con của chị L, anh T. Ông bà đồng ý nhận ủy quyền của anh T, trong thời gian anh T không ở Việt Nam, ông bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V, đồng thời ông bà đề nghị được giải quyết vắng mặt.

- Cháu Nguyễn Phương V là con chung của anh T, chị L có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội khi bố mẹ ly hôn.

Sau khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án, chị L quay lại Nhật Bản làm việc và ủy quyền cho mẹ đẻ là Mạc Thị V giao nhận văn bản tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa chị L, anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị L được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phương V, sinh ngày 17/7/2012 cho anh Nguyễn Hữu T chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu Nguyễn Phương Vy cho ông Nguyễn Hữu A và bà Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Hữu T đều có hộ khẩu thường trú tại: Thôn L, xã Hồng P, huyện S, tỉnh Hải Dương. Chị L, anh T

đều lao động, sinh sống tại Nhật Bản. Do vậy, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Nhật Bản. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC – PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân tối cao, Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh T cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình được biết, anh T thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Hữu A và bà Trần Thị H. Ông A, bà H đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết. Anh T mặc dù không về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn, nhưng thông qua gia đình cũng như việc nói chuyện trực tiếp qua điện thoại, anh T đã thể hiện quan điểm đồng ý ly hôn với chị L. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy áp dụng công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ.

Anh T ủy quyền cho bố mẹ đẻ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương V trong thời gian anh không ở Việt Nam nên Tòa án xác định ông Nguyễn Hữu A và bà Trần Thị H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Chị L, anh T, ông A, bà H đều có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hồng P, huyện S, tỉnh Hải Dương ngày 14/02/2011, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Năm 2015 chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó đi Nhật Bản lao động. Mặc dù hiện tại cả hai anh chị đều đang lao động tại Nhật Bản, nhưng mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án, anh T cũng có quan điểm đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã trầm trọng, vợ mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

- *Về con chung*: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Hữu T có một con chung là Nguyễn Phương V, sinh ngày 17/7/2012 hiện đang sống cùng ông bà nội. Ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi con, chị L cũng đồng ý. Xét thấy, anh T chị L đều ở nước ngoài, không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cháu V hiện sống cùng ông bà nội, cháu được ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng, được học tập và phát triển tốt. Do vậy để ổn định cuộc sống cho cháu, cần giao cháu V cho anh T nuôi dưỡng, trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu V cho ông A, bà H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng tiền nuôi con, các bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phương V, sinh ngày 17/7/2012 cho anh Nguyễn Hữu T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam, tạm giao cháu V cho ông Nguyễn Hữu A và bà Trần Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Phạm Thị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0003917 ngày 15 tháng 02 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị L, anh Nguyễn Hữu T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Hữu A, bà Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Hồng P;
- Lưu hồ sơ;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền